

Số: 37/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động  
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật  
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số  
87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định  
quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt  
động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa  
đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân  
sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động  
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân  
sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi và  
mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức  
chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 và bãi bỏ  
Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Bắc Ninh về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động  
khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Nghị  
quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc  
Giang ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến  
nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khoá XIX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Việt Oanh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/10/2025 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

#### **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông**

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông tỉnh và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, tổ chức thực hiện.

b) Ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí hoạt động khuyến nông hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông**

1. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động khuyến nông phải thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về Khuyến nông.

2. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn thực hiện theo quy định định hiện hành.

3. Chi phí phục vụ lớp học:

a) Thuê hội trường, phòng học, thiết bị học tập; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê phiên dịch và biên dịch; chi tổ chức khai giảng, bế giảng; chi khác (điện, nước, thông tin liên lạc, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan hoặc thanh toán theo thực tế, có chứng từ hợp pháp và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi in ấn tài liệu, in chứng chỉ, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm): thanh toán theo thực tế, có chứng từ hợp pháp và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi giải khát giữa giờ: mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

4. Chi phụ cấp tiền ăn, bố trí nơi ở, chi phí đưa, đón, thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có):

a) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng: Mức chi theo quy định của Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

b) Chi phụ cấp tiền ăn, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

c) Chi phí đưa đón giảng viên, trợ giảng: thanh toán theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành, cụ thể mức chi tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ

ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê phòng nghỉ cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100 % chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100 % chi phí tiền ăn theo mức quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê phòng nghỉ cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

Người nông dân được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê phòng nghỉ cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì được hỗ trợ chi phí dịch vụ: điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê phòng nghỉ cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi



bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

6. Chi khảo sát, học tập trong nước: mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC; riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

### **Điều 5. Chi thông tin tuyên truyền**

1. Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông:

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu; trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: mức chi thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

b) Mức chi thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo áp dụng mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: áp dụng theo quy định của

Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành cụ thể mức chi tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi bổ sung Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp trong nước:

a) Đối với cơ quan nhà nước được cấp có thẩm quyền quy định thực hiện chức năng, nhiệm vụ khuyến nông được hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp trong nước, bao gồm: thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị, hoạt động của ban tổ chức, tư vấn, thiết kế khu hội chợ triển lãm, thuê gian hàng, trang trí, tủ, kệ để hàng, vận chuyển hàng hóa trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân khác: hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

6. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

7. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Điều 6. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình**

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình, ngân sách hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du và miền núi được hỗ trợ tối đa 70% kinh phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình, ngân sách hỗ trợ tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/ mô hình.

c) Mô hình trình diễn ở vùng đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình, ngân sách hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng/mô hình.

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn), ngân sách hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/mô hình.

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

3. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Nội dung chi: chi thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, thuê xe; chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành; chi hỗ trợ tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ; chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên.

b) Mức chi: thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết này.

4. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo nhân rộng mô hình: mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

### **Điều 7. Chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này.

3. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

4. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

### **Điều 8. Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành.

### **Điều 9. Nội dung chi khác**

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.



3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được giao dự toán trong năm để phục vụ cho công tác quản lý khuyến nông, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được giao trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Các chương trình, kế hoạch khuyến nông đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện theo phạm vi địa giới hành chính trước sắp xếp thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cho tới khi được nghiệm thu, kết thúc.